

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ GIA NGHĨA
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2020/HS-ST
Ngày: 19 - 8 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GIA NGHĨA, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Ất và bà Đỗ Thị Mau.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Quốc Chương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Như - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 30/2020/TLST-HS ngày 25 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2020/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa 56/2020/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 7 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Bùi Văn T, sinh năm 1986 tại tỉnh Hòa Bình; nơi cư trú: Xóm C, xã V, huyện L, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn C (đã chết) và bà Bùi Thị E; có 02 con;

Tiền án: 03 tiền án:

- Năm 2005 phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tại bản án hình sự sơ thẩm số 06/2006/HS-ST ngày 21/02/2006 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xử phạt bị cáo 24 tháng tù, đã chấp hành xong hình phạt vào ngày 31/7/2008, chưa chấp hành xong án phạt hình sự sơ thẩm.

- Ngày 15/4/2013 phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tại bản án hình sự sơ thẩm số 16/2015/HSST ngày 09/4/2015 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xử phạt 09 tháng tù, chấp hành xong hình phạt vào ngày 07/8/2015, chưa chấp hành xong án phạt hình sự sơ thẩm.

- Ngày 02/9/2017 phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tại bản án hình sự sơ thẩm số 04/2018/HS-ST ngày 23/01/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài (nay là thành phố Đồng Xoài), tỉnh Bình Phước xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt vào ngày 03/7/2019 và án phạt

Nhân thân: Năm 2003 phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”, tại bản án hình sự sơ thẩm số 42/2006/HSST ngày 21/9/2006 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông xử phạt bị cáo 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, tổng hợp hình phạt 02 năm tù của bản án hình sự sơ thẩm số 06/2006/HS-ST ngày 21/02/2006 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông, buộc bị cáo Tự phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 02 năm 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, đã chấp hành xong hình phạt, chưa chấp hành hình phạt bổ sung, chưa chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm (tại thời điểm phạm tội bị cáo dưới 18 tuổi).

Bị bắt tạm giữ từ ngày 27/02/2020 đến ngày 04/3/2020 chuyển tạm giam, đang tạm giam - Có mặt.

2. Đỗ Thanh T1, sinh năm 1988 tại tỉnh Bình Phước; nơi cư trú: Tổ 5, khu phố S, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị T2; có vợ là Bùi Thị Q và 01 con;

Tiền án: 05 tiền án:

- Tại bản án hình sự sơ thẩm số 05/2010/HS-ST ngày 09/3/2010 của Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông xử phạt 01 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, đã chấp hành xong hình phạt vào năm 2011;

- Tại bản án hình sự phúc thẩm số 130/2011/HSPT ngày 23/11/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phạt 01 năm 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Tại bản án hình sự sơ thẩm số 90/2012/HSST ngày 28/6/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xử phạt bị cáo 03 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, tổng hợp hình phạt với bản án phúc thẩm số 130/2011/HSPT ngày 23/11/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 04 năm 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, được trừ thời gian bị tạm giam của bản án trước là 01 năm 17 ngày, bị cáo phải chấp hành hình phạt tù còn lại là 03 năm 08 tháng 13 ngày tù.

- Tại bản án hình sự sơ thẩm số 43/2012/HSST ngày 14/11/2012 của Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Ngày 22/5/2013 Chánh án Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên ban hành Quyết định số 01/2013/QĐ-CA tổng hợp hình phạt của bản án số 43/2012/HSST ngày 14/11/2012, bản án số 90/2012/HSST ngày 28/6/2012, bản án số 130/2011/HSPT ngày 23/11/2011 (được trừ thời gian tạm giam bản án trước từ ngày 10/6/2011 đến ngày 27/6/2016), buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 05 (năm) năm 02 (hai) tháng 13 (mười ba) ngày tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/6/2012, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 11/02/2017.

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 95/2017/HSST ngày 21/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xử phạt bị cáo 02 năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, chấp hành xong hình phạt vào ngày 17/3/2019 và án phí vào ngày 26/12/2017;

Bị bắt tạm giữ từ ngày 27/02/2020 đến ngày 04/3/2020 chuyển tạm giam, đang tạm giam - Có mặt.

- Bị hại:

1. Anh Trần Vũ Hồng S, sinh năm 1987 – vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Bon T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông;

Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố 3, phường Nghĩa T, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

2. Anh Nguyễn Xuân K, sinh năm 2000 – Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt;

Địa chỉ: Tổ dân phố 6, phường Nghĩa T, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1961 – Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt;

Địa chỉ: Tổ 5, khu phố S, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Văn T và Đỗ Thanh T1 là các đối tượng có tiền án về các tội xâm phạm sở hữu. Tháng 02/2020, cả hai đến nhà vợ chồng chị Bùi Thị H (là chị vợ của T1) tại tổ dân phố 3, phường Nghĩa Trung để giúp vợ chồng chị Hải sửa chữa nhà

Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 26/02/2020, sau khi ăn tối, T rủ T1 đi trộm xe mô tô người dân để sơ hở bắt lấy tiền tiêu xài thì T1 đồng ý. Tuấn điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha, loại Jupiter, biển kiểm soát 52U5-1635 (xe của bà Nguyễn Thị T là mẹ của T1) chở T mang theo 01 còi ã ã và 01 thanh kim loại, đi khắp các tuyến đường trên địa bàn thành phố G để tìm xe trộm cắp. Khi đến đây nhà trọ trên đường Nguyễn Viết X, thuộc tổ dân phố 3, phường N, cả hai nhìn thấy 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius màu đỏ - đen, biển kiểm soát 47B1-186.56 của anh Trần Vũ Hồng S đang dựng trước cửa phòng trọ, không có người trông coi, nên T1 đứng ngo ã cảnh giới, còn T đi đến dắt xe Sirius ra ngoài đường rồi điều khiển xe thả dốc (không nổ máy) theo đường Nguyễn Viết X ra đường Quốc lộ 14, còn T1 điều khiển xe Jupiter chạy theo sau. Sau đó, T1 giúp T đẩy xe trộm cắp đến một bãi đất trống trên đường Mạc Thị B, thuộc tổ dân phố 10, phường N. Tại đây, T1 dùng còi ã ã biển kiểm soát của xe vút vào bụi cây, còn T dùng thanh kim loại phá ổ khóa điện của xe nhưng không được, nên T giật dây điện đầu nối cho xe nổ máy. Sau đó, T1 đi về nhà chị H, còn T điều khiển xe trộm cắp về hướng tỉnh B ã ã

Phước để tiêu thụ. Khi đi đến địa bàn huyện Đ thị bị lực lượng Công an huyện phát hiện, bắt giữ T cùng tang vật.

Quá trình mở rộng điều tra, T và T1 khai nhận ngoài lần trộm cắp nêu trên, cả hai còn cùng nhau thực hiện 01 vụ trộm cắp xe mô tô vào ngày 25/02/2020 tại tổ dân phố 3, phường N. Cụ thể:

Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 25/02/2020, sau khi ăn tối tại nhà chị Bùi Thị H, T rủ T1 đi tìm xe mô tô trộm cắp thì T1 đồng ý và điều khiển xe Jupiter biển kiểm soát 52U5-1635 chở T đi. Cả hai đi đến trước cổng nhà anh Đặng Bình T3 trên đường Y, thuộc tổ dân phố 3, phường N thì thấy 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Winner màu xanh đen, biển kiểm soát 48B1-573.68 của anh Nguyễn Xuân K đang dựng ở hành lang trước nhà anh T3. Lúc này, T1 đứng ngoài cảnh giới còn T đi đến dắt xe Winner ra ngoài, điều khiển xe thả dốc (không nổ máy) về hướng nhà hàng Logde Đắc Nông, còn T1 điều khiển xe Jupiter chạy sau. Sau đó, T giúp T đẩy xe đến một bãi đất trống cách nhà chị H khoảng 100m. Tại đây, T dùng còi 8 tháo biển kiểm soát xe Winner ném ra trước đầu xe rồi dùng tay tháo dây điện nguồn và đấu nối để xe lên điện, còn T1 điều khiển xe Jupiter đi tìm nhà nghỉ để ngủ và cất giấu xe. Tuy nhiên do không tìm được nhà nghỉ nên cả hai để chiếc xe Winner tại đây, rồi T1 chở T về nhà chị H để cất xe Jupiter. Khi cả hai quay lại để lấy xe Winner thì thấy có ánh đèn pin và nhiều người tụ tập tại bãi đất trống, nghĩ hành vi của mình đã bị người dân phát hiện nên cả hai không lấy xe nữa mà đi về nhà chị H ngủ.

Tại Kết luận định giá tài sản số 14/KL-HĐĐG ngày 03/3/2020 và số 32/KL-HĐĐG ngày 17/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự thành phố Gia Nghĩa kết luận: Giá trị xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, không gắn biển kiểm soát tại thời điểm định giá là 6.345.000 đồng; Giá trị xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Winner, biển kiểm soát 48B1-573.68 tại thời điểm định giá là 40.180.000 đồng.

*** Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu:**

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đỏ đen, không gắn biển kiểm soát, số khung: C6309Y267639, số máy: 5C63267697 (*Thu của Bùi Văn T*)

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Winner màu xanh đen, biển kiểm soát 48B1-573.68, số khung: RLHKC3705KY018750, số máy: KC34E-1036217 (*Tạm giữ của anh Nguyễn Xuân K*).

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Jupiter, màu đen-xám bạc, biển kiểm soát 52U5-1635, số khung: Y-010082, số máy: S01-010082 (*Thu của Đỗ Thanh T1*).

- 01 biển kiểm soát xe mô tô số 47B1-186.56.

- 01 còi 8 th.

- 01 thanh kim loại có một đầu hình lục giác, một đầu nhọn, dài 7.5cm.

* Về bồi thường thiệt hại: Sau khi nhận lại tài sản, anh Trần Vũ Hồng S và anh Nguyễn Xuân K không có yêu cầu gì thêm.

Tại bản cáo trạng số 36/CT-VKS ngày 25/5/2020 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông truy tố các bị cáo Bùi Văn T và Đỗ Thanh T1 về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo. Sau khi phân tích tình chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo Bùi Văn T và Đỗ Thanh T1 từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Đề nghị chấp nhận ngày 24/4/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Gia Nghĩa đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 439/CQĐT-ĐSCHS trả lại chiếc xe Sirius, chiếc biển kiểm soát xe mô tô số 47B1-186.56 và xe Winner biển kiểm soát 48B1-573.68 cho anh Trần Vũ Hồng S và anh Nguyễn Xuân K là các chủ sở hữu hợp pháp.

- Đối với chiếc xe Jupiter biển kiểm soát 52U5-1635 là tài sản hợp pháp của bà Nguyễn Thị T2, nên đề nghị trả lại cho bà T2.

- Đối với chiếc cà lê 8 và thanh kim loại là công cụ phạm tội, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Về bồi thường thiệt hại: Sau khi nhận lại tài sản anh Trần Vũ Hồng S và anh Nguyễn Xuân K không có yêu cầu gì thêm, nên đề nghị không đề cập xử lý.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận Viện kiểm sát truy tố về tội danh và điều luật như Cáo trạng là đúng, không oan. Các bị cáo không trình bày lời bào chữa, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác lưu tại hồ sơ vụ án nên có căn cứ xác định: Để có tiền tiêu xài cá nhân, Bùi Văn T và Đỗ Thanh T1 đi trộm cắp tài sản, T1 điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha, loại Jupiter, biển kiểm soát 52U5-1635 (xe của bà Nguyễn Thị T2 là mẹ của T1) chở T mang theo 01 còi ô tô và 01 thanh kim loại, đi khắp các tuyến đường trên địa bàn thành phố Gia Nghĩa để tìm xe trộm cắp. Đến khoảng 19 giờ 00 phút ngày 26/02/2020, tại phòng dãy nhà trọ trên đường Nguyễn Viết X, thuộc tổ dân phố 3, phường N, thành phố G, T1 đứng ngoài cảnh giới, T lén lút vào trộm cắp 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius màu đỏ - đen, biển kiểm soát 47B1-186.56 của anh Trần Vũ Hồng S đang dựng trước cửa phòng trọ. Tài sản bị chiếm đoạt có giá trị là 6.345.000 đồng.

Ngoài ra, các bị cáo đều khai nhận trước đó đã thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản khác, cụ thể như sau:

Vào ngày 25/02/2020, để có tiền tiêu xài cá nhân, Bùi Văn T và Đỗ Thanh T1 đi trộm cắp tài sản, trước cổng nhà của anh Đặng Bình T thuộc tổ dân phố 3, phường N, thành phố G, T1 đứng ngoài cảnh giới, T lén lút vào trộm cắp 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Winner màu xanh đen, biển kiểm soát 48B1-573.68 của anh Nguyễn Xuân K. Tài sản bị chiếm đoạt có giá trị là 40.180.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản mà các bị cáo Bùi Văn T và Đỗ Thanh T1 trộm cắp của các bị hại là 46.525.000 đồng.

Các bị cáo Bùi Văn T và Đỗ Thanh T1 phạm tội trong trường hợp đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 53 của Bộ luật Hình sự nên các bị cáo bị áp dụng tình tiết định khung theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là “*Tái phạm nguy hiểm*”.

Điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

.....

g) Tái phạm nguy hiểm”.

[3] Xét về tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và ý thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì mục đích vụ

lợi muốn có tiền mà không phải bỏ ra công sức lao động chân chính, các bị cáo vẫn bất chấp pháp luật thực hiện hành vi lén lút trộm cắp tài sản của các bị hại một cách trái pháp luật. Hành vi phạm tội của các bị cáo với lỗi cố ý trực tiếp đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại và làm mất an ninh trật tự ở địa phương, gây tâm lý hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Do đó, cần xử phạt các bị cáo hình phạt tù đủ nghiêm, tương xứng với tính chất mức độ phạm tội của các bị cáo nhằm trừng trị và giáo dục các bị cáo, đồng thời góp phần phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

Các bị cáo đều có nhân thân xấu, bị cáo T có 03 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo T1 có 04 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” và 01 tiền án về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, chưa được xóa án tích mà còn tiếp tục phạm tội. Trong vụ án này các bị cáo cùng cố ý thực hiện một tội phạm, thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, Bùi Văn T là người rủ rê Đỗ Thanh T1 đi trộm cắp tài sản, chuẩn bị công cụ phạm tội và là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, T1 đứng ngoài cảnh giới, giúp sức trong việc cất giấu tài sản trộm cắp, nên cần xử phạt bị cáo T mức hình phạt cao hơn bị cáo T1.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Bùi Văn T và Đỗ Thanh T1 thực hiện hành vi phạm tội thuộc trường hợp “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự thú lần phạm tội trước đó, nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Đỗ Thanh T1 cung cấp tài liệu thể hiện mẹ của bị cáo là bà Nguyễn Thị T2 (tên thường gọi là Nguyễn Thị H) là thanh niên xung phong được xác nhận của Ban Chấp hành Hội cựu thanh niên xung phong thành phố Hà Nội. Tuy nhiên, tình tiết này không được xem là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có tài sản, không có việc làm và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về bồi thường thiệt hại: Sau khi nhận lại tài sản bị chiếm đoạt anh Trần Vũ Hồng S và anh Nguyễn Xuân K không có yêu cầu gì thêm, nên không đề cập giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 1, khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Đối với chiếc xe Sirius, chiếc biển kiểm soát xe mô tô số 47B1-186.56 và xe Winner biển kiểm soát 48B1-573.68, việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Gia Nghĩa đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 439/CQĐT-ĐSCHS ngày 24/4/2020 trả lại cho anh Trần Vũ Hồng S và anh Nguyễn Xuân K là các chủ sở hữu hợp pháp là có căn cứ cần chấp nhận.

- Đối với chiếc xe Jupiter biển kiểm soát 52U5-1635 là tài sản hợp pháp của bà Nguyễn Thị T2, nên cần trả lại cho bà Nguyễn Thị T2.

- Đối với chiếc còi 8 và thanh kim loại là công cụ phạm tội, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu và tiêu hủy.

[8] Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông truy tố các bị cáo Bùi Văn T và Đỗ Thanh T1 về tội danh và điều luật như Cáo trạng là có căn cứ, quan điểm đề nghị về xử lý vật chứng của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên cần chấp nhận. Tuy nhiên, về tình tiết các bị cáo đều khai nhận trước đó vào ngày 25/02/2020 đã thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô hiệu Honda, loại Winner màu xanh đen, biển kiểm soát 48B1-573.68 của anh Nguyễn Xuân K, đại diện Viện kiểm sát cho rằng đây được xem là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội đầu thú” và áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Hội đồng xét xử thấy các bị cáo bị bắt, bị phát hiện về một hành vi phạm tội cụ thể đối với xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius màu đỏ - đen, biển kiểm soát 47B1-186.56 của anh Trần Vũ Hồng S (giá trị tài sản chiếm đoạt là 6.345.000 đồng), nhưng trong quá trình điều tra đã tự mình nhận tội và khai ra hành vi phạm tội khác của mình mà chưa bị phát hiện đối với xe mô tô hiệu Honda, loại Winner màu xanh đen, biển kiểm soát 48B1-573.68 của anh Nguyễn Xuân K (giá trị tài sản chiếm đoạt là 40.180.000 đồng), thì được coi là tự thú đối với việc tự mình nhận tội và khai ra những hành vi phạm tội của các bị cáo mà chưa bị phát hiện này, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội tự thú” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và được giải thích tại điểm b khoản 1 Điều 4 của Bộ luật Tố tụng hình sự: *“Tự thú là việc người phạm tội tự nguyện khai báo với cơ quan, tổ chức về hành vi phạm tội của mình trước khi tội phạm hoặc người phạm tội bị phát hiện”*. Mặt khác, xe mô tô biển kiểm soát 47B1-186.56 của anh Trần Vũ Hồng S và xe biển kiểm soát 48B1-573.68 của anh Nguyễn Xuân K đều đã được trả lại cho anh S và anh K là các chủ sở hữu hợp pháp. Vì vậy, việc đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và đề nghị áp dụng mức hình phạt đối với các bị cáo từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng là có phần nghiêm khắc, nên Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt thấp hơn đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, đồng thời cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian cũng đủ tác dụng trừng trị, giáo dục các bị cáo ý thức tuân theo pháp luật và ngăn ngừa, đấu tranh chống tội phạm, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta và cũng đảm bảo mục đích của hình phạt.

[9] Về án phí Các bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; các điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Bùi Văn T và Đỗ Thanh T1.

Tuyên bố: Các bị cáo Bùi Văn T và Đỗ Thanh T1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn T **03 (ba) năm 06 (sáu)** tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 27/02/2020.

Xử phạt bị cáo Đỗ Thanh T1 **03 (ba)** năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ bắt tạm giữ, tạm giam ngày 27/02/2020.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 1, khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Chấp nhận ngày 24/4/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Gia Nghĩa đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 439/CQĐT-ĐSCHS trả lại chiếc xe Sirius, chiếc biển kiểm soát xe mô tô số 47B1-186.56 và 01 chiếc xe Winner biển kiểm soát 48B1-573.68 cho anh Trần Vũ Hồng S và anh Nguyễn Xuân K là các chủ sở hữu hợp pháp.

- Trả lại 01 chiếc xe Jupiter biển kiểm soát 52U5-1635 cho bà Nguyễn Thị T2 là chủ sở hữu hợp pháp (có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/5/2020 giữa Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Gia Nghĩa và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Gia Nghĩa).

- Tịch thu và tiêu hủy 01 chiếc còi ô tô và thanh kim loại là công cụ phạm tội, không còn giá trị sử dụng (có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/5/2020 giữa Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Gia Nghĩa và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Gia Nghĩa).

3. Về án phí Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc Bùi Văn T và Đỗ Thanh T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ mình trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng PC06, PC10 Công an tỉnh Đắk Nông;
- VKSND thành phố Gia Nghĩa;
- Công an thành phố Gia Nghĩa;
- Phòng HS, NV CA thành phố Gia Nghĩa.
- CCTHADS thành phố Gia Nghĩa;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Xuân Diệu